

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13/3/2025.
V/v: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2024/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 10 năm 2024, về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích T - sinh năm 1992, có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, Kiên Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh N - sinh năm 1990, vắng mặt.
Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Bích T như sau:

Vào năm 2013, bà và ông Nguyễn Thanh N tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bà đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ ngày 24/12/2014.

Vợ chồng sống chung hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi xuất phát từ việc ông Nguyễn Thanh N không quan tâm vợ con, thường xuyên cờ bạc, tụ tập với bạn bè ăn nhậu không lo làm ăn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Hiện vợ chồng không còn khả năng chung sống với nhau được nữa và bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Thanh N nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Thời gian chung sống vợ chồng bà có 02 người con chung tên Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023, hiện nay bà đang nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Bà xin nuôi con chung tên Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023. Bà không yêu cầu ông Nguyễn Thanh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được Tòa án niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Thanh N không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Nguyễn Thanh N.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do là không tuân thủ pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Trần Thị Bích T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023 cho bà Trần Thị Bích T nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Thanh N là bị đơn trong vụ án, ông Nguyễn Thanh N có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Nguyễn Thanh N vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Tòa án đã niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Nguyễn Thanh

N vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh N.

Bà Trần Thị Bích T có đơn xin vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của bà Trần Thị Bích T không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà Trần Thị Bích T.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N cưới nhau vào năm 2013, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 111/2014, ngày 24/12/2014, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N là hôn nhân tự nguyện nhưng trong quá trình sống chung đã phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà Trần Thị Bích T cho rằng vợ chồng bà bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và thường xuyên cự cãi xuất phát từ việc ông Nguyễn Thanh N không quan tâm vợ con, thường xuyên cờ bạc, tụ tập với bạn bè ăn nhậu không lo làm ăn. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân bà và ông Nguyễn Thanh N không còn liên lạc với nhau. Ngày 06/01/2025 và ngày 05/02/2025, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Nguyễn Thanh N vắng mặt và bà Trần Thị Bích T cương quyết ly hôn với ông Nguyễn Thanh N. Xét thấy, vợ chồng bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm, trong thời gian này, ông Nguyễn Thanh N và bà Trần Thị Bích T không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn hôn nhân, khi Tòa án mời ông Nguyễn Thanh N đến Tòa án để hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ thì ông Nguyễn Thanh N không có mặt cho thấy ông không còn quan tâm gì đến cuộc hôn nhân này và cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Bà Trần Thị Bích T cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh N và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Nguyễn Thanh N, vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Bích T.

[4] Về con chung: Bà Trần Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh N có 02 người con chung tên Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023, hiện nay bà Trần Thị Bích T đang nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh N không nuôi con và không có ý kiến về quyền nuôi. Bà Trần Thị Bích T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023, cháu Phúc M có nguyện vọng sống cùng mẹ nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Bích T.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Bích T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Bích T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Tại phiên tòa sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí HNGĐST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trần Thị Bích T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006129, ngày 10/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích T.

Về hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Bích T ly hôn với ông Nguyễn Thanh N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phúc M – sinh ngày 23/5/2015 và Nguyễn Phúc T1 – sinh ngày 19/5/2023 cho bà Trần Thị Bích T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Nguyễn Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được phép cản trở ông thực hiện quyền này.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Bích T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006129, ngày 10/10/2024, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang